TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HS-ST
Ngày 06-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Chiều

Bà Hà Thúy Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2026/HS-ST, ngày 10 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn H**, tên gọi khác: Không, số CCCD: 020080009795; sinh ngày 28/12/1980 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Đ, sinh năm 1945 và bà: Hoàng Thị N, sinh năm 1946; vợ: Đàng Thị T, sinh năm 1980; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo là đảng viên Đ1, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, hiện đang tại ngoại công tác tại Chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực L; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2025 đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Xuân M**, tên gọi khác: Không, số CCCD: 020079006162; sinh ngày 05/9/1979 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T1, sinh năm 1959 (đã chết) và bà: Nông Thị E, sinh năm 1957; vợ: Hoàng Thị Mai S, sinh năm 1980; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2016; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; tiền án: Không, tiền sự: Không;

bị cáo là đảng viên Đ1, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, hiện đang tại ngoại công tác tại Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2025 đến nay, có mặt.

3. Họ và tên: **Phạm Thị Phương T2**, tên gọi khác: Không, số CCCD: 025191014786; sinh ngày 26/02/1991 tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Hồng Q, sinh năm: 1959 và bà: Cao Thị V, sinh năm 1958; chồng: Vi Văn C; sinh năm: 1990 (đã chết); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo là đảng viên Đ1, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, hiện đang tại ngoại công tác tại Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2025 đến nay, có mặt.

4. Họ và tên: **Nông Quốc T3**, tên gọi khác: Không, số CCCD: 020091005127; sinh ngày 05/8/1991 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Số B T, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn T4, sinh năm 1952 và bà: Chu Thị X, sinh năm 1958; vợ: Tạ Thị B, sinh năm 1994; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo là đảng viên Đ1, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, hiện đang tại ngoại công tác tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Lạng Sơn; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2025 đến nay, có mặt.

5. Họ và tên: **Trần Văn T5**, tên gọi khác: Không, số CCCD: 020071007950; sinh ngày 29/01/1971 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ văn hóa lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L, sinh năm 1947 (đã chết) và bà: Trần Thị N1, sinh năm 1947; vợ: Mạc Thị Kim O, sinh năm 1973; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo là đảng viên Đ1, sinh hoạt Đảng tại Chi bộ Chi nhánh Dịch vụ Nông nghiệp khu vực L thuộc Đảng bộ xã L, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 23/7/2025; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2025 đến ngày 17/7/2025 áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay, có mặt.

6. Họ và tên: **Nông Thanh T6**, tên gọi khác: Không, số CCCD: 020088012969; sinh ngày 24/5/1988 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Quốc H1, sinh năm 1954 (đã chết) và bà: Hoàng Thị N2, sinh năm 1955 (đã chết); vợ: Hà Thị Bích D, sinh năm 1991; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2024; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo là đảng viên Đ1, đã bị khai trừ ra khỏi Đảng, hiện

đang tại ngoại công tác tại Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/6/2025 đến nay, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lê Thị N3, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn R, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

2. Bà Lưu Thị H2, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

3. Ông Vũ Tuấn D1, sinh năm 1989; địa chỉ: Số H, ngõ A, đường N, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

4. Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

5. Ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn G, xã C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

6. Bà Chu Thị Kim H3, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt;

7. Bà Vương Thị L2, sinh năm 1965; địa chỉ: Số I, thôn P, xã L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

8. Bà Hoàng Thị N4, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ D, phường L, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt;

9. Bà Lại Thị C1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L3 về việc: Từ năm 2018 Phòng T8 (TN&MT) huyện L được Ủy ban nhân dân huyện L giao nhiệm vụ đại diện chủ đầu tư thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện L. Thực hiện nhiệm vụ được giao Phòng TN&MT huyện L đã ký hợp đồng với HTX (HTX) Tiến Đạt, Liên doanh HTX T9: Khu N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải theo hình thức hợp đồng trọn gói trên địa bàn huyện L (trong đó có khu vực C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn). Tuy nhiên từ tháng 04/2019 đến tháng 06/2023 (trừ tháng 8/2019) khu vực C, xã T không có rác thải, không phát sinh hoạt động thu gom, vận chuyển rác của HTX T9 (do khu vực C là lối mở để thông thương hàng hóa, từ năm 2019 hạn chế việc thông thương nên không có rác thải) nhưng Phòng TN&MT huyện L và HTX T9 vẫn lập hồ sơ việc thu gom, vận chuyển rác thải đạt yêu cầu, khối lượng nghiệm thu đạt 100% theo hợp đồng (bao gồm

cả khu vực C) và thanh toán kinh phí thu gom, vận chuyển rác đối với khu vực C theo dự toán được duyệt (1,93 tấn/1 ngày đêm x số ngày thực hiện trong tháng x đơn giá). Tổng số tiền chi tại khu vực C không đúng quy định là 1.394.487.735đ (Một tỷ ba trăm chín mươi tư triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi năm đồng).

Quá trình điều tra xác định hành vi của các bị cáo như sau:

Bị cáo Hoàng Văn H là trưởng Phòng TN&MT huyện L giai đoạn từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2023: Trong thời gian từ tháng 04/2019 đến tháng 01/2023 Hoàng Văn H với chức vụ là Trưởng Phòng TN&MT huyện L đã trực tiếp ký hợp đồng với HTX T9 dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện L các năm 2019, 2020, 2022 và năm 2023. Quá trình thực hiện nhiệm vụ tuy đã được chuyên viên phụ trách báo cáo là khu vực C, xã T không có rác và HTX T9 không thực hiện thu gom, vận chuyển rác tại khu vực C nhưng Hoàng Văn H cho rằng hợp đồng đã ký với HTX T9 là hợp đồng trọn gói nên đã thanh toán cho HTX T9 theo dự toán. Hoàng Văn H đã không thực hiện hết nhiệm vụ được giao là chỉ đạo chuyên viên phụ trách tiến hành nghiệm thu theo khối lượng công việc đã hoàn thành để điều chỉnh dự toán, điều chỉnh bổ sung phụ lục hợp đồng làm cơ sở thanh toán đúng theo quy định. Do đó, bị cáo đã trực tiếp ký 34 chứng từ chi thanh toán cho HTX T9 không đúng quy định với tổng số tiền là **950.182.881 đồng**.

Bị cáo Bùi Xuân M là trưởng Phòng TN&MT huyện Lộc Bình giai đoạn từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2024; Phó trưởng phòng phụ trách từ tháng 07/2020 đến tháng 6/2021 và từ tháng 01/2023 đến tháng 06/2023: Trong thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019 Bùi Xuân M với chức vụ là Phó Trưởng Phòng TN&MT huyện L được giao nhiệm vụ đã trực tiếp ký biên bản nghiệm thu chung của toàn huyện đề nghị Trưởng Phòng TN&MT thanh toán không đúng quy định số tiền là **85.233.213 đồng** (tám mươi năm triệu hai trăm ba mươi ba nghìn hai trăm mười ba đồng). Trong thời gian giữ chức vụ Phó trưởng Phòng phụ trách Phòng TN&MT huyện L, Bùi Xuân M ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện L năm 2021 với HTX T9. Bùi Xuân M biết là khu vực C, xã T không có rác và HTX T9 không thực hiện thu gom, vận chuyển rác tại khu vực C nhưng vẫn trực tiếp ký thanh toán 16 tháng cho HTX T9 không đúng quy định với tổng số tiền là **444.304.854 đồng**. Do nhận thức là thanh toán theo hợp đồng trọn gói nên vẫn thanh toán cho HTX T9 cả khu vực C. Bùi Xuân M đã không thực hiện hết nhiệm vụ được giao là chỉ đạo chuyên viên phụ trách tiến hành nghiệm thu theo khối lượng thực tế để điều chỉnh dự toán, điều chỉnh bổ sung phụ lục hợp đồng làm cơ sở thanh toán đúng theo quy định dẫn đến thanh toán sai quy định gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với tổng số tiền **529.538.067 đồng**.

Bị cáo Phạm Thị Phương T2 là Phó Trưởng Phòng TN&MT huyện L giai đoạn từ tháng 02/2020 đến tháng 06/2023; Chuyên viên phụ trách lĩnh vực môi trường từ tháng 01/2019 đến tháng 01/2020: Hành vi của Phạm Thị Phương T2 được thực hiện diễn ra trong hai giai đoạn với vai trò, chức trách nhiệm vụ khác nhau:

Giai đoạn từ tháng 01/2019 đến tháng 01/2020 với vai trò là chuyên viên phụ trách lĩnh vực môi trường, Phạm Thị Phương T2 đã trực tiếp phát hiện và có báo cáo Hoàng Văn H về việc C - Tú Mịch không phát sinh rác, nhưng cho rằng hợp đồng đã ký với HTX T9 là hợp đồng trọn gói nên trực tiếp hoàn thiện các thủ tục giấy tờ, biên bản nghiệm thu chung để thanh toán theo dự toán mà không dựa trên khối lượng nghiệm thu thực tế để thanh toán, đây là hành vi không làm hết nhiệm vụ được giao dẫn tới hậu quả là việc thanh toán sai quy định 09 tháng với tổng số tiền **226.053.304 đồng**; giai đoạn từ tháng 02/2020 đến tháng 06/2023, với vai trò là Phó trưởng Phòng phụ trách lĩnh vực môi trường: Có chức vụ và quyền hạn được giao về công tác thanh quyết toán kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện L, biết khu vực C, huyện L không có rác, HTX T9 không thực hiện thu gom vận chuyển rác tại khu vực trên từ trước, nhưng do cho rằng là thanh toán theo hợp đồng trọn gói nên vẫn ký các biên bản nghiệm thu chung cả huyện và đề nghị thanh toán cho HTX T9 cả khu vực C. Phạm Thị Phương T2 đã không thực hiện hết nhiệm vụ được giao là chỉ đạo chuyên viên phụ trách tiến hành nghiệm thu theo khối lượng thực tế để tham mưu cho Trưởng Phòng điều chỉnh dự toán, điều chỉnh bổ sung phụ lục hợp đồng làm cơ sở thanh toán đúng theo quy định, dẫn đến thanh toán sai quy định gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với tổng số tiền **1.112.737.733 đồng** (một tỷ một trăm mười hai triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng). Bản thân Phạm Thị Phương T2 được ký 48/50 biên bản nghiệm thu chung toàn huyện đề nghị Trưởng Phòng TN&MT huyện thanh toán không đúng quy định với số tiền là **1.338.791.037 đồng** (một tỷ ba trăm ba mươi tám triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn không trăm ba mươi bảy đồng), trong đó có 09 biên bản nghiệm thu ký với vai trò là chuyên viên phụ trách lĩnh vực môi trường; 39 bản nghiệm thu ký với vai trò là Phó trưởng Phòng phụ trách lĩnh vực môi trường.

Bị cáo Trần Văn T5 là Phó Trưởng Phòng TN&MT huyện Lộc Bình từ năm 2019 đến tháng 02/2020: Bị cáo là người có chức vụ và quyền hạn được giao về công tác thanh quyết toán kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện L, biết khu vực C, xã T, huyện L không có rác, HTX T9 không thực hiện thu gom vận chuyển rác tại khu vực trên từ trước nhưng do cho rằng là thanh toán theo hợp đồng trọn gói nên vẫn ký 05 biên bản nghiệm thu chung cả huyện và đề nghị thanh toán cho HTX T9 cả khu vực C. Trần Văn T5 đã không thực hiện hết nhiệm vụ được giao là chỉ đạo chuyên viên phụ trách, tiến hành nghiệm thu theo khối lượng thực tế để tham mưu cho Trưởng phòng điều chỉnh dự toán, điều chỉnh bổ sung phụ lục hợp đồng làm cơ sở thanh toán đúng theo quy định dẫn đến thanh toán sai quy định gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với số tiền là **140.820.091 đồng**. Ngoài ra, quá trình điều tra xác định: Bị cáo Trần Văn T5 sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2023, loại ma túy thường dùng là H4. Ngày 23/8/2024 bị cáo bắt đầu sử dụng thuốc Methadone thay thế chất ma túy tại Trung tâm y tế K, đến ngày 01/3/2025 Trần Văn T5 tự ý chấm dứt không sử dụng thuốc Methadone mà tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy Heroin. Trần Văn T5 mỗi lần sử dụng trái phép chất

ma túy thì mua ma túy với người đàn ông tên là Nguyễn Quốc T7 cư trú tại xã N, tỉnh Lạng Sơn, ngày sử dụng gần nhất là ngày 11/7/2025. Xác minh tại Công an xã L, bị cáo Trần Văn T5 đã được Công an thị trấn L (nay là Công an xã L) đưa vào danh sách quản lý người nghiện và lập hồ sơ xử lý về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đồng thời xác minh tại Trung tâm y tế K có trong danh sách điều trị nghiện bằng các chất thay thế tại Trung tâm y tế K từ ngày 23/8/2024 đến ngày 01/3/2025. Như vậy, đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện Trần Văn T5 tiếp tục sử dụng ma túy Heroin.

Bị cáo Nông Thanh T6 là chuyên viên được giao tham mưu thực hiện nhiệm vụ về thanh toán kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại huyện L từ tháng 02/2020 đến tháng 9/2020. Tuy nhiên Nông Thanh T6 đã không làm hết trách nhiệm được giao nên đã lập biên bản nghiệm thu theo tháng, bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành, bảng đề nghị thanh toán có số liệu phát sinh rác của khu vực C, T mặc dù không có biên bản nghiệm thu theo địa bàn tại C, cùng với Phó Trưởng phòng Phạm Thị Phương T2 ký 08 biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán kinh phí cho khu vực C từ tháng 02/2020 đến tháng 9/2020 không đúng quy định với tổng số tiền **226.053.304 đồng**.

Bị cáo Nông Quốc T3 là chuyên viên biệt phái của Phòng TN&MT huyện L: Trong thời gian được giao tham mưu công tác quản lý môi trường từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2023. Nông Quốc T3 biết thời điểm này khu vực C, xã T không phát sinh rác và HTX T9 không thực hiện thu gom, vận chuyển rác tại khu vực này nhưng Nông Quốc T3 đã không làm hết trách nhiệm được giao nên đã lập biên bản nghiệm thu theo tháng, bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành, bảng đề nghị thanh toán có số liệu phát sinh rác của khu vực C, T mặc dù không nghiệm thu theo địa bàn tại C. Bị cáo Nông Quốc T3 cùng với Phó Trưởng phòng Phạm Thị Phương T2 ký 02 biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán kinh phí cho khu vực C không đúng quy định các tháng 6, 7/2021; trực tiếp tham mưu cho lãnh đạo phòng lập hồ sơ thanh toán cho khu vực C không đúng quy định từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023 với tổng số tiền sai phạm là **547.742.800 đồng**.

Tại cơ quan điều tra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là các Kế toán của Phòng TN&MT huyện Lộc Bình cũ gồm: Vương Thị L2, Lại Thị C1, Chu Thị Kim H3 và Hoàng Thị N4 đều xác định: Nhiệm vụ được giao tổng hợp chứng từ thanh toán kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện L cũ, quá trình thực hiện nhiệm vụ bản thân các Kế toán đã làm hết trách nhiệm được giao thanh toán đúng số tiền theo dự toán, không giả mạo, sửa chữa, lập khống chứng từ, không tư lợi cá nhân.

Bà Lê Thị N3 xác định từ tháng 6/2020 - tháng 3/2021 làm chuyên viên Phòng TN&MT huyện L có trách nhiệm tham mưu thực hiện nhiệm vụ về thanh toán kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại huyện L, chỉ phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc ký xác nhận các biên bản nghiệm thu tại tháng 10/2020 và tháng 11/2020 với số tiền tiền gây thiệt hại là 56.513.326đ.

Đại diện HTX T9 là xác định có ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện L với Phòng TN&MT huyện L từ năm 2019 đến hết năm 2022 và liên danh HTX T9 và HTX Đ2 ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện L năm 2023. HTX T9 và HTX Đ2 là đơn vị cung cấp dịch vụ, việc quyết định thanh quyết toán kinh phí theo hợp đồng là trách nhiệm của Phòng TN&MT huyện L không thuộc trách nhiệm của HTX T9 và HTX Đ2. Sau khi Phòng TN&MT huyện L phát hiện ra việc chi số tiền theo dự toán (căn cứ theo hợp đồng trọn gói) tại khu vực C, xã T là không đúng quy định thì HTX T9 đã phối hợp và nộp lại toàn bộ số tiền mà Phòng TN&MT đã duyệt chi sai quy định vào ngân sách Nhà nước.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 25/4/2025 của phòng Quản lý ngân sách, Sở T10. Nội dung trong bản Kết luận giám định như sau: Về quy trình, thủ tục thực hiện chi kinh phí thu gom, vận chuyển rác đối với khu vực C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: Việc Chi kinh phí của Phòng TN&MT huyện L chưa đảm bảo đúng nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước: Căn cứ vào dự toán được giao, hợp đồng, thỏa thuận đã ký kết, tiến độ, khối lượng, chất lượng triển khai thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm, thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách quyết định chi.Tổng kinh phí chi chưa đúng khối lượng nghiệm thu tại biên bản cụ thể từng ngày trong tháng là: 1.393.941.198đ. Giá trị thiệt hại: Tổng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện thu gom, vận chuyển rác khu vực C, xã T do Phòng TN&MT huyện L chi trả cho HTX T9 (giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2022) và liên danh T9 và HTX Đ2 (đối với năm 2023) chưa đúng quy định là **1.393.941.198đ** (một tỷ ba trăm chín mươi ba triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Người gây thiệt hại: Phòng TN&MT huyện L, HTX T9 và liên danh T9 và HTX Đ2 đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

Tại Kết luận giám định bổ sung của Giám định tư pháp theo vụ việc thuộc phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính ngày 05/6/2025 kết luận nội dung cơ bản như sau: Từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2023 (trừ tháng 01, 02 năm 2022) Phòng TN&MT huyện L ký hợp đồng với HTX T9 là hợp đồng trọn gói, với tổng số tiền là 43.388.114.128 đồng. Việc thanh toán kinh phí thu gom tại khu vực C - T: Theo kết luận giám định đã ban hành của Sở T10 xác định số tiền thiệt hại cho ngân sách nhà nước với số tiền là 1.393.941.198đ. Thời điểm hiện tại các hợp đồng đã hết hiệu lực nên không có căn cứ điều chỉnh hợp đồng, không có cơ sở thanh toán theo khối lượng thực tế cao hơn hợp đồng.

Kết luận giám định bổ sung của Sở T10 ngày 25/8/2025 xác định: Thực tế kiểm tra hồ sơ, chứng từ do cơ quan Công an cung cấp, các biên bản nghiệm thu (làm cơ sở thanh toán kinh phí) là do chuyên viên và lãnh đạo Phòng TN&MT kiểm tra, ký xác nhận với doanh nghiệp và các xã. Trong công tác thanh toán kinh phí thu gom, vận chuyển rác tại huyện L từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2023 kế toán Phòng TN&MT chưa kiểm tra, đối chiếu cụ thể các biên bản nghiệm thu: giữa biên bản nghiệm thu chung và các biên bản chi tiết (của từng địa bàn), vẫn thực hiện thanh toán kinh phí cho địa bàn C - Tú Mịch mặc dù không phát

sinh khối lượng thực hiện thu gom rác. Do vậy kế toán Phòng TN&MT huyện L chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, yêu cầu của kế toán theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Luật kế toán, chưa thực hiện trách nhiệm của kế toán theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật ngân sách nhà nước.

Tại Bản kết luận giám định số 565/Kl-KTHS ngày 25/7/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Mẫu nước tiểu thu của Trần Văn T5 gửi giám định tìm thấy chất ma túy Mophine; tìm thấy chất 6-MAM (6-monoacerylmorphine) là sản phẩm chuyển hóa của Heroin.

Về dân sự: Trước khi cơ quan điều tra thụ lý nguồn tin về tội phạm các bị cáo đã chủ động đề nghị HTX T9 nộp tiền khắc phục toàn bộ số tiền thiệt hại vào ngân sách Nhà nước, toàn bộ số tiền sai phạm đã được thu hồi xong.

Cáo trạng số 22/CT-VKSKV5, ngày 10/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn H, Bùi Xuân M, Phạm Thị Phương T2 và Nông Quốc T3 về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Thanh T6 về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn T5 về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự và tội sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn H, Bùi Xuân M, Phạm Thị Phương T2, Nông Quốc T3, Nông Thanh T6 và Trần Văn T5 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã truy tố.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa, trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn H, Bùi Xuân M, Phạm Thị Phương T2, Nông Quốc T3, Nông Thanh T6 phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng bị cáo Trần Văn T5 phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng và tội sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn H 36 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Thị Phương T2 36 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50, 54, 65 Bộ luật Hình sự. Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Xuân M từ 30 tháng đến 33 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định; bị cáo Nông Quốc T3 từ 27 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm d khoản 1 Điều 256a, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50, 38, 55 Bộ luật Hình sự. Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn T5 từ 06 tháng đến 09 tháng tù đối với tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; 36, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Nông Thanh T6 từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập 05% - 07%.

Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu đen, số seri: YP8DOBSSJBR46SJV; số IMEI 1: 867143061925533, số IMEI 2: 867143061925525; lắp sim V1 số thuê bao: 0358.362886, điện thoại đã qua sử dụng đã thu giữ của bị cáo Trần Văn T5 do đã dùng vào việc phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Hoàng Văn H, Bùi Xuân M, Phạm Thị Phương T2, Nông Quốc T3, Nông Thanh T6 đều nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên không có tranh luận gì thêm.

Bị cáo Trần Văn T5 đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng để đảm bảo công bằng với bị cáo khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên đối với tranh luận của bị cáo Trần Văn T5: Bị cáo phạm tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo điểm d khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Hình sự, trong tội này bị cáo gây thiệt hại số tiền thấp nhất, nếu bị cáo không phạm thêm tội sử dụng trái phép chất ma túy thì không nhất thiết phải xử phạt tù đối bị cáo mà cho bị cáo, cải tạo không giam giữ là đủ răn đe và giáo dục bị cáo, tuy nhiên lần xét xử này bị cáo phạm 02 tội trong đó tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng là tội nghiêm trọng nên cần đề nghị xử phạt tù về cả hai tội đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Phạm Thị Phương T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, kết quả giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của những người vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 6 năm 2023 (trừ tháng 8 năm 2019) tại Phòng TN&MT huyện L, tỉnh Lạng Sơn các bị cáo Hoàng Văn H, Bùi Xuân M, Phạm Thị Phương T2, Nông Quốc T3, Trần Văn T5 và Nông Thanh T6 là người có chức vụ và quyền hạn được giao về công tác thanh quyết toán kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã thiếu trách nhiệm không thực hiện hết nhiệm vụ được giao, không nghiên cứu kỹ hợp đồng, đối chiếu với các văn bản pháp luật về thanh toán đối với hợp đồng trọn gói dẫn đến thanh toán sai kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải tại khu vực C, xã T gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền **1.393.941.198 đồng** (một tỷ ba trăm chín mươi ba triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

[4] Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng nhưng không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm với tính chất giản đơn. Từng bị cáo phải chịu trách nhiệm với hành vi phạm tội mà bản thân đã thực hiện cụ thể:

[5] Bị cáo Hoàng Văn H trực tiếp ký hợp đồng với HTX T9 các năm 2019, 2020, 2022 và năm 2023; đã trực tiếp ký 34 chứng từ chi thanh toán cho HTX T9 không đúng quy định với tổng số tiền là **950.182.881 đồng**. Tuy số tiền bị cáo thiệt hại không lớn nhất, nhưng bị cáo là Trưởng phòng trong thời gian dài, phải chịu trách nhiệm chung nên có vai trò chính, tích cực.

[6] Bị cáo Phạm Thị Phương T2 là Chuyên viên phụ trách lĩnh vực môi trường, ngay từ đầu biết được khu vực C không phát sinh hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải nhưng không thực hiện các quy trình báo cáo, đề xuất với cấp trên theo quy định mà trực tiếp hoàn thiện các thủ tục giấy tờ, biên bản nghiệm thu chung để thanh toán sai quy định 09 tháng với tổng số tiền **226.053.304 đồng**. Với vai trò là Phó trưởng Phòng cũng đã biết khu vực C không phát sinh hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải vẫn ký các biên bản nghiệm thu thanh toán sai quy định gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với tổng số tiền **1.112.737.733 đồng**. Tổng thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số

tiền là **1.338.791.037 đồng**. Số tiền thiệt hại là lớn nhất nên vai trò tích cực tương đương bị cáo Hoàng Văn H trong vụ án.

[7] Bị cáo Bùi Xuân M đã trực tiếp ký biên bản nghiệm thu chung của toàn huyện đề nghị Trưởng Phòng TN&MT thanh toán không đúng quy định số tiền là **85.233.213 đồng**. Trực tiếp ký thanh toán tổng số tiền là **444.304.854 đồng**. Tổng số tiền gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với tổng số tiền **529.538.067 đồng**. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm đó là Phó trưởng phòng, số tiền thiệt hại ít hơn bị cáo Phạm Thị Phương T2 và bị cáo Hoàng Văn H nên có vai trò thấp hơn hai bị cáo này.

[8]. Bị cáo Nông Quốc T3 đã lập 02 biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán kinh phí không đúng quy định các tháng 6, 7/2021; trực tiếp tham mưu cho lãnh đạo phòng lập hồ sơ thanh toán không đúng quy định từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023 với tổng số tiền sai phạm là **547.742.800 đồng**. Tuy số tiền thiệt hại nhiều hơn bị cáo Bùi Xuân M nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là chuyên viên được giao nhiệm vụ nên có vai trò thấp hơn bị cáo Bùi Xuân M.

[9] Bị cáo Nông Thanh T6 từ tháng 02/2020 đến tháng 9/2020, đã lập biên bản nghiệm thu theo tháng, bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành, bảng đề nghị thanh toán có số liệu phát sinh rác của khu vực C, T mặc dù không có biên bản nghiệm thu theo địa bàn tại C, cùng với Phó Trưởng phòng Phạm Thị Phương T2 ký 08 biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán kinh phí cho khu vực C từ tháng 02/2020 đến tháng 9/2020 không đúng quy định với tổng số tiền **226.053.304 đồng**. Số tiền thiệt hại ít hơn Nông Quốc T3, khi thực hiện hành vi phạm tội là chuyên viên thực hiện nhiện vụ được giao nên có vai trò thấp hơn bị cáo Nông Quốc T3.

[10] **Bị cáo Trần Văn T5** từ năm 2019 đến tháng 02/2020, đã ký 05 biên bản nghiệm thu chung cả huyện và đề nghị thanh sai quy định gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với số tiền là **140.820.091 đồng**. Số tiền thiệt hại của bị cáo là ít nhất nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội là Phó trưởng phòng là người có chức vụ nên có vai trò tương đương với bị cáo Nông Thanh T6.

[11] Bị cáo Trần Văn T5 sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2023, loại ma túy thường dùng là H4. Ngày 23/8/2024 bị cáo bắt đầu tự nguyện cai nghiện, đến ngày 01/3/2025, Trần Văn T5 tự ý chấm dứt việc cai nghiện đã được Công an thị trấn L (nay là Công an xã L) đưa vào danh sách quản lý người nghiện và lập hồ sơ xử lý về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo Trần Văn T5 tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy Heroin, ngày sử dụng gần nhất là ngày 11/7/2025. Như vậy, đang trong thời hạn 02 năm kể từ khi tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy tự nguyện Trần Văn T5 tiếp tục sử dụng ma túy Heroin, đã cấu thành tội sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo phải tự chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội này.

[12] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn trong việc thanh quyết toán ngân sách

Nhà nước làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước; gây thất thoát, lãng phí đến tài sản của Nhà nước. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Văn T5 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Các hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh theo quy định. Để có hình phạt thỏa đáng ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[13] Về nguyên nhân, mục đích phạm tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của các bị cáo: Nguyên nhân phạm tội xuất phát từ việc các bị cáo không nắm vững các quy định, không nghiên cứu kỹ hợp đồng và không đối chiếu với các văn bản pháp luật về thanh toán đối với hợp đồng trọn gói dẫn đến thanh toán sai kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải. Mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo không nhằm vụ lợi cá nhân mà mong muốn hoàn thành nhiệm vụ được giao thanh quyết toán Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện L.

[14] Đối với tội sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Văn T5 nguyên nhân phạm tội xuất phát từ việc đau đầu không ngủ được bị cáo đã sử dụng trái phép ma túy để giảm đau và thay thuốc ngủ dẫn đến nghiện ma túy.

[15] Về nhân thân các bị cáo đều chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật nên được coi là có nhân thân tốt.

[16] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân. Sau khi tự phát hiện sai phạm, các bị cáo trong vụ án đã chủ động khắc phục hậu quả bằng hình thức làm việc với HTX, yêu cầu HTX T9 nộp lại toàn bộ số tiền chi sai là 1.394.487.735 đồng vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Hoàng Văn H có bố đẻ là ông Hoàng Đ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, mẹ đẻ tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo Nông Quốc T3 có bố đẻ là ông Nông Văn T4 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba; Huy chương chiến sĩ giải phóng; Bị cáo Trần Văn T5 có bố đẻ là Trần Văn L được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, mẹ đẻ Trần Thị N1 được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Phạm Thị Phương T2 tích cực tham gia công tác thiện nguyện nộp ủng hộ số tiền 1.000.000 đồng tại Trung tâm K, tỉnh Lạng Sơn, bản thân bị cáo Phạm Thị Phương T2 hiện nay là lao động chính duy nhất nuôi hai con nhỏ và mẹ chồng. Các bị cáo Hoàng Văn H, Bùi Xuân M, Phạm Thị Phương T2, Trần Văn T5, Nông Thanh T6 và Nông Quốc T3 được tặng thưởng nhiều giấy khen do có thành tích xuất sắc trong quá trình học tập, công tác. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng. Bị cáo Phạm Thị Phương T2 có thành tích xuất sắc trong học tập, đạt thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các Trường đại học, Học viện trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2013, được chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H tặng

Bằng khen được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[17] Về hình phạt chính đối với các bị cáo Hoàng Văn H và Phạm Thị Phương T2 tuy đều có 02 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phạm Thị Phương T2 có thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng do tính chất mức độ hành vi của hai bị cáo là cao nhất trong vụ án, bị cáo Phạm Thị Phương T2 là người tích cực nhất nên cần áp dụng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt đối với cả hai bị cáo. Xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng cũng như việc các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành chính sách pháp luật; có nơi cư trú, làm việc rõ ràng, thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hai bị cáo này hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo Hoàng Văn H, Phạm Thị Phương T2.

[18] Về hình phạt chính đối với các bị cáo Bùi Xuân M và Nông Quốc T3, tính chất mức độ hành vi là thấp hơn bị cáo Hoàng Văn H và Phạm Thị Phương T2, đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt đối với 02 bị cáo và xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cũng như việc bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành chính sách pháp luật; có nơi cư trú, làm việc rõ ràng, thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo Bùi Xuân M và Nông Quốc T3.

[19] Về hình phạt chính đối với bị cáo Nông Thanh T6 khi thực hiện hành vi phạm tội là chuyên viên được phân công nhiệm vụ, số tiền thiệt hại không lớn, tính chất mức độ hành vi không cao và xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng cũng như việc bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành chính sách pháp luật; có nơi cư trú, làm việc rõ ràng, thấy không cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, xử phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ, mức khấu trừ 5% thu nhập theo lương hiện hưởng (5% x 9.701.991 đồng = 485.000 đồng/tháng) cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo Nông Thanh T6.

[20] Về hình phạt chính đối với bị cáo Trần Văn T5 bị cáo bị xét xử 02 tội trong cùng một lần về hai tội phạm trong đó có một tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo và cải tạo không giam giữ, cần xử mức án khởi điểm đối với cả hai tội và tổng hợp thành hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành.

[21] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 360 Bộ luật Hình sự người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, xét thấy bị cáo phạm tội đều không có mục đích tư lợi, sau khi phát hiện

sai phạm đã kịp thời vận động HTX T9 nộp toàn bộ số tiền vi phạm vào ngân sách Nhà nước nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[22] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Xác nhận các bị cáo đã tích cực tác động HTX T9 bồi thường khắc phục xong toàn bộ thiệt hại trước khi khởi tố vụ án.

[23] Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu đen, số seri: YP8DOBSSJBR46SJV; số IMEI 1: 867143061925533, số IMEI 2: 867143061925525; lắp sim V1 số thuê bao: 0358.362886, điện thoại đã qua sử dụng do bị cáo đã dùng vào việc phạm tội sử dụng trái phép chất ma túy.

[24] Đối với các Kế toán của Phòng TN&MT huyện L gồm: Vương Thị L2, Lại Thị C1, Chu Thị Kim H3 và Hoàng Thị N4: Nhiệm vụ được giao tổng hợp chứng từ thanh toán kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện L, quá trình thực hiện nhiệm vụ bản thân các Kế toán đã làm hết trách nhiệm được giao, thanh toán đúng số tiền theo dự toán, không có dấu hiệu giả mạo, sửa chữa, lập khống chứng từ, không có dấu hiệu tư lợi cá nhân. Do vậy, không có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[25] Đối với Lê Thị N3 là chuyên viên Phòng TN&MT huyện L từ tháng 6/2020 - tháng 3/2021: Xác định Lê Thị N3 có trách nhiệm tham mưu thực hiện nhiệm vụ về thanh toán kinh phí thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại huyện L, phải chịu trách nhiệm trực tiếp về việc ký xác nhận các biên bản nghiệm thu tại tháng 10/2020 và tháng 11/2020, với số tiền tiền gây thiệt hại là 56.513.326 đồng là chưa đủ yếu tố cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự nên không xem xét trách nhiệm trong vụ án.

[26] Đối với Nguyễn Quốc T7 là người bán ma túy cho Trần Văn T5 để sử dụng (theo lời khai của Trần Văn T5), Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú. Tuy nhiên không xác định được hiện Nguyễn Quốc T7 đang ở đâu, làm gì nên chưa đủ căn cứ để xử lý, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[27] Đối với HTX T9 ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện L với Phòng TN&MT huyện L từ năm 2019 đến hết năm 2022 và liên doanh T9 và HTX Đ2 ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện L năm 2023, là đơn vị cung cấp dịch vụ, việc quyết định thanh quyết toán kinh phí theo hợp đồng là trách nhiệm của Phòng TN&MT huyện L, không thuộc trách nhiệm của HTX T9 và HTX Đ2. Sau khi Phòng TN&MT huyện L phát hiện ra việc chi số tiền 1.393.941.198 đồng không đúng quy định, HTX T9 đã phối hợp và nộp lại toàn bộ số tiền mà Phòng TN&MT đã duyệt chi sai quy định vào ngân sách Nhà nước. Không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối HTX T9 và HTX Đ2 trong vụ án.

[28] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với

tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[29] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[30] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 360; Điều 17, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn H.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 360; Điều 17, Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị Phương T2.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 360; Điều 17, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Xuân M và Nông Quốc T3.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 360; Điều 17, Điều 36, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thanh T6.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 256a; điểm d khoản 1 Điều 360; Điều 17, Điều 38, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T5.

Căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn H, Bùi Xuân M, Phạm Thị Phương T2, Nông Quốc T3 và Nông Thanh T6 phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; bị cáo Trần Văn T5 phạm các tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng và tội Sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Phương T2 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Thị Phương T2 cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2.3. Xử phạt bị cáo Bùi Xuân M 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Xuân M cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2.4. Xử phạt bị cáo Nông Quốc T3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Quốc T3 cho Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Xử phạt bị cáo Nông Thanh T6 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự, Công an tỉnh L nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nông Thanh T6 cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nông Thanh T6 trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo phương thức khấu trừ hàng tháng, mức 5% thu nhập theo lương hiện hưởng của bị cáo Nông Thanh T6 là 9.701.991 đồng x 5% = 485.000 đồng (bốn trăm tám mươi năm nghìn đồng).

2.6. Xử phạt bị cáo Trần Văn T5 06 (sáu) tháng tù về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng và 02 (hai) năm tù về tội sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (ngày 17/7/2025).

3. Về trách nhiệm bồi thiệt hại: Xác nhận HTX T9 nộp xong toàn bộ số tiền thiệt hại trả vào ngân sách Nhà nước trước khi khởi tố vụ án.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu đen, số seri: YP8DOBSSJBR46SJV; số IMEI 1: 867143061925533, số IMEI 2: 867143061925525; lắp sim V1 số thuê bao: 0358.362886, điện thoại đã qua sử dụng.

5. Án phí: Các bị cáo Hoàng Văn H, Bùi Xuân M, Phạm Thị Phương T2, Nông Quốc T3, Nông Thanh T6 và Trần Văn T5 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

6. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- PC10 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- PC 01 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Chung